BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 112/2025/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025*

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về biên phòng, biên giới quốc gia

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 299/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư về biên phòng, biên giới quốc gia, gồm: Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Thông tư số 09/2016/TT-BQP ngày 03 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền; Thông tư số 162/2016/TT-BQP ngày 21 tháng 10 năm 2016 quy định thực hiện một số điều Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Thông tư số 49/2017/TT-BQP ngày 08 tháng 3 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển; Thông tư số 44/2018/TT-BQP ngày 24 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BQP ngày 03 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền; Thông tư số 82/2022/TT-BQP ngày 21 tháng 11 năm 2022 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

"Điều 2. Khu vực biên giới

Khu vực biên giới đất liền quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025 tổng hợp, báo cáo Bộ Quốc phòng đề nghị Chính phủ bổ sung hoặc đưa ra khỏi danh sách các xã, phường khu vực biên giới tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 34/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025.".

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Các ngành chức năng cấp tỉnh khi xác lập vùng cấm phải thống nhất với Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh (qua Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng), Công an cấp tỉnh để xác định, xây dựng nội quy quản lý đối với vùng cấm, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Đối với công trình quốc phòng, Tư lệnh Quân khu chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh (qua Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng) xác định rõ tính chất những công trình cần quy định vùng cấm, tổng hợp báo cáo Tư lệnh Quân khu trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Đối với công trình biên giới, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chỉ đạo Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng phối hợp với cơ quan quân sự, các cơ quan chức năng cùng cấp ở địa phương tham mưu cho Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh xác định rõ tính chất những công trình cần quy định vùng cấm và tổng hợp báo cáo Tư lệnh Bộ đội Biên phòng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.".

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Biển báo "khu vực biên giới", "vành đai biên giới", "vùng cấm" theo mẫu thống nhất bằng tôn, dày 1,5mm, cột bằng thép ống đường kính 100mm, dày 2mm; mặt biển, chữ trên biển báo sơn phản quang; nền biển sơn màu xanh, chữ trên biển sơn màu trắng, cột sơn phản quang, màu trắng, đỏ; chữ trên biển báo ghi thành ba dòng: Dòng thứ nhất chữ bằng tiếng Việt Nam, dòng thứ hai chữ bằng tiếng của nước đối diện, dòng thứ ba chữ bằng tiếng Anh. Kích thước biển báo, chữ viết trên biển báo theo mẫu từ Mẫu số 01(a,b) đến Mẫu số 12 tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Biển báo "khu vực biên giới" cắm ở ranh giới tiếp giáp giữa xã, phường khu vực biên giới với xã, phường nội địa; vị trí cắm biển ở những nơi dễ nhận biết, cạnh trục đường giao thông (đường bộ, đường sắt, đường sông) vào khu vực biên giới. Ở khu vực biên giới có phạm vi rộng, khó xác định giới hạn, phải bổ sung biển nhắc lại đặt phía sau các nút giao thông theo chiều đi để thuận tiện cho việc quan sát. Kích thước, chữ viết trên biển nhắc lại thực hiện theo Mẫu số 01b tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.".

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

"a) Công dân Việt Nam (không phải là cư dân biên giới) vào khu vực biên giới phải:

- Có giấy tờ tùy thân theo quy định của pháp luật;

- Xuất trình giấy tờ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

- Trường hợp nghỉ qua đêm phải đăng ký lưu trú tại Công an xã, phường;

- Hết thời hạn lưu trú phải rời khỏi khu vực biên giới;

- Trường hợp có nhu cầu lưu lại quá thời hạn đã đăng ký phải đến nơi đã đăng ký xin gia hạn.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"a) Người nước ngoài thường trú, tạm trú ở Việt Nam vào khu vực biên giới (trừ khu du lịch, dịch vụ, khu kinh tế) phải có giấy phép do Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an hoặc Công an cấp tỉnh nơi người nước ngoài thường trú, tạm trú hoặc giấy phép của Công an tỉnh biên giới nơi đến cấp, phải mang theo hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam và phải xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; trường hợp ở lại qua đêm trong khu vực biên giới, người quản lý trực tiếp, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú phải khai báo tạm trú cho người nước ngoài với Công an cấp xã sở tại theo quy định của pháp luật; đồng thời Công an cấp xã có trách nhiệm thông báo bằng văn bản theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này cho Đồn Biên

phòng sở tại biết để phối hợp quản lý; trường hợp vào vành đai biên giới phải được sự đồng ý và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Đồn Biên phòng sở tại.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Cơ quan, tổ chức Việt Nam đưa hoặc mời người nước ngoài theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025 vào khu vực biên giới phải thông báo bằng văn bản theo Mẫu số 15 tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này cho Công an, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng nơi đến biết.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

"3. Cục Tài chính Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Cục Tác chiến Bộ Tổng Tham mưu, Cục Đối ngoại Bộ Quốc phòng, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh (qua Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng) nơi có dự án, công trình xây dựng, tổng hợp báo cáo Bộ Quốc phòng để có văn bản trả lời cơ quan gửi xin ý kiến đối với việc xây dựng các dự án, công trình trong khu vực biên giới theo quy định tại Nghị định số 34/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025; hằng năm, tổng hợp báo cáo Bộ Quốc phòng về việc liên quan đến xây dựng các dự án, công trình trong khu vực biên giới.".

6. Sửa đổi, bổ sung câu dẫn Điều 9 và điểm a khoản 6 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung câu dẫn như sau:

"Chỉ đạo Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh biên giới đất liền:".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 như sau:

"a) Các Đồn Biên phòng, Công an cấp xã biên giới tiến hành kiểm tra người cư trú, ra vào, hoạt động trong khu vực biên giới;".

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quán triệt thực hiện nội dung Nghị định số 34/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành tới các cấp, các ngành ở địa phương, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới quần chúng nhân dân để tổ chức thực hiện thống nhất.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Việc lập dự toán chi cho xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025; pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư.

Hằng năm, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng lập dự toán chi ngân sách địa phương bảo đảm cho nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới theo hướng dẫn của địa phương, báo cáo Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh. Sau khi có quyết định giao dự toán ngân sách bảo đảm cho nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới của cấp có thẩm quyền, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng báo cáo Bộ chỉ huy

quân sự cấp tỉnh và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tổng hợp báo cáo Bộ Quốc phòng.".

8. Thay thế Phụ lục kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BQP ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

"2. Công dân tỉnh biên giới Việt Nam là công dân Việt Nam có nơi thường trú tại tỉnh hoặc đơn vị hành chính tương đương của Việt Nam có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới quốc gia trên đất liền.".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

"Điều 7. Dây chuyền kiểm soát tại cửa khẩu biên giới đất liền trong trường hợp xảy ra dịch bệnh quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025

1. Khi có dịch bệnh, Sở Y tế tỉnh có cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền thông báo với Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Chi cục Hải quan khu vực và Ban Quản lý cửa khẩu

Căn cứ thông báo dịch của Sở Y tế, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tỉnh, Chi cục Hải quan khu vực và Ban Quản lý cửa khẩu điều chỉnh dây chuyền kiểm soát tại cửa khẩu.

2. Khi hết dịch bệnh, Sở Y tế tỉnh thông báo với Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Chi cục Hải quan khu vực và Ban Quản lý cửa khẩu

Căn cứ thông báo của Sở Y tế, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tỉnh, Chi cục Hải quan khu vực và Ban Quản lý cửa khẩu điều chỉnh dây chuyền kiểm soát tại cửa khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025.".

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

"a) Công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) phải có một trong các loại giấy tờ sau:

- Hộ chiếu ngoại giao; Hộ chiếu công vụ; Hộ chiếu phổ thông (gọi chung là hộ chiếu);

- Giấy thông hành biên giới; Giấy thông hành nhập xuất cảnh; Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới; Giấy thông hành hồi hương; Giấy thông

hành; Thẻ căn cước công dân; Thẻ căn cước; Căn cước điện tử (đối với cư dân biên giới Việt Nam trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia);

- Các giấy tờ khác phù hợp để xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

"b) Công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu phụ phải có một trong các loại giấy tờ sau:

- Giấy thông hành biên giới; Giấy thông hành nhập xuất cảnh; Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới; Giấy thông hành hồi hương; Giấy thông hành; Thẻ căn cước công dân; Thẻ căn cước; Căn cước điện tử (đối với cư dân biên giới Việt Nam trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia);

- Các giấy tờ khác phù hợp để xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Người nước ngoài là công dân nước láng giềng nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) phải có một trong các loại giấy tờ sau:

- Giấy tờ quy định tại điểm a khoản này;

- Giấy thông hành biên giới; Giấy chứng minh nhân dân (đối với cư dân biên giới Campuchia);

- Các giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh khác theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết với nước có chung biên giới.".

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

"c) Công dân tỉnh biên giới, huyện biên giới, cư dân biên giới nước láng giềng nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu phụ phải có một trong các loại giấy tờ sau:

- Giấy thông hành biên giới; Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới (đối với tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc); Giấy chứng minh nhân dân (đối với cư dân biên giới Campuchia);

- Các giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh khác theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết với nước có chung biên giới.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

"3. Trường hợp cần thiết, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với Công an cấp tỉnh, Chi cục Hải quan khu vực thống nhất địa điểm, biện pháp quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép phương tiện nước đối diện được vận chuyển hàng hóa đến vị trí kho bãi nằm ngoài khu

vực cửa khẩu và phải chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu theo quy định pháp luật.".

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 2 như sau:

"a) Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan của tỉnh, gồm: Công an, Ngoại vụ, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế và Ủy ban nhân dân cấp xã có cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) tiến hành khảo sát xác định phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương); lập biên bản khảo sát, vẽ sơ đồ phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương), báo cáo kết quả khảo sát, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương);".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Căn cứ đề nghị của Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng và các sở, ngành quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi dự thảo Tờ trình Chính phủ, báo cáo kết quả khảo sát, biên bản khảo sát và kèm theo sơ đồ phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương), xin ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tài chính, Công Thương về phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương);".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

"a) Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với sở, ngành của tỉnh, gồm: Công an, Ngoại vụ, Công Thương, Y tế, Hải quan, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã có cửa khẩu phụ, lối mở biên giới khảo sát xác định phạm vi khu vực cửa khẩu phụ, lối mở biên giới; lập biên bản khảo sát và kèm theo sơ đồ phạm vi khu vực cửa khẩu phụ, lối mở biên giới;".

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

"c) Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện.".

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

"c) Bộ Quốc phòng xin ý kiến các Bộ: Ngoại giao, Công an, Tài chính, Công Thương, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng về việc thay đổi thời gian làm việc tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương);".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Mở cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền ngoài thời gian làm việc trong ngày vì lý do khẩn cấp liên quan đến quốc phòng, an ninh, thiên tai, hỏa hoạn, cấp cứu người bị nạn, truy bắt tội phạm hoặc lý do bất khả kháng khác

a) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng thống nhất với cơ quan

có thẩm quyền nước có chung biên giới về việc mở cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền ngoài thời gian làm việc trong ngày; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;

b) Sau khi thống nhất với cơ quan có thẩm quyền nước có chung biên giới, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng chỉ đạo Đồn trưởng Đồn Biên phòng thực hiện mở cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền ngoài thời gian làm việc trong ngày;

Căn cứ tình hình, tính chất vụ việc, Đồn trưởng Đồn Biên phòng thông báo cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền để phối hợp thực hiện.

c) Khi tình hình trở lại bình thường, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng kịp thời báo cáo Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nước có chung biên giới và chỉ đạo Đồn trưởng Đồn Biên phòng phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền và cơ quan quản lý cửa khẩu đối diện duy trì thời gian làm việc tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền theo quy định.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Biểu mẫu và ban hành biểu mẫu

Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục các biểu mẫu Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng, gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương), cửa khẩu phụ, lối mở biên giới đất liền.”.

8. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Chỉ đạo Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng có cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền:”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Cục Tài chính Bộ Quốc phòng

Phối hợp, hướng dẫn Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đảm bảo kế hoạch ngân sách và sử dụng nguồn ngân sách để triển khai các dự án, đề án mua sắm trang bị, vật tư phục vụ công tác quản lý, kiểm soát cửa khẩu của Bộ đội Biên phòng quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Thông tư này.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chỉ đạo các ngành chức năng cấp tỉnh phối hợp với Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị định số 112/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Thông tư này đến các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có cửa khẩu, lối mở biên giới, các cơ quan, tổ chức và Nhân dân khu vực biên giới đất liền thực hiện.”.

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 như sau:

"2. Chỉ đạo Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã có cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền:".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Chỉ đạo Sở Ngoại vụ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng và các sở, ngành liên quan lập, thẩm định quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu trên địa bàn tỉnh, hoàn chỉnh thủ tục, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Chính phủ phê duyệt.".

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng chủ trì xây dựng Kế hoạch báo cáo Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; đồng thời chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp, các ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, thực hiện nội dung Nghị định số 112/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Thông tư này đến các cấp, các ngành ở địa phương, Nhân dân để triển khai thực hiện thống nhất; báo cáo kết quả với Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Hằng năm, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng căn cứ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn ở khu vực biên giới đất liền, kiểm tra, kiểm soát xuất, nhập cảnh tại khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền, lập dự toán ngân sách theo nội dung quy định tại Thông tư liên tịch số 162/2004/TTLT-BQP-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2004 của Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi và quản lý ngân sách thực hiện công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực biên giới gửi cơ quan tài chính, các cơ quan có liên quan cùng cấp tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.".

12. Thay thế Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BQP ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền bằng Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 162/2016/TT-BQP ngày 21 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

"4. Phương tiện giao thông đường bộ quy định trong Nghị định số 71/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Thông tư này là phương

tiện giao thông cơ giới đường bộ theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.".

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Biển báo "khu vực biên giới biển", "vùng cấm", "khu vực hạn chế hoạt động" trên đất liền làm theo mẫu thống nhất bằng tôn, dày 1,5mm; cột biển bằng kim loại, đường kính 100mm, dày 02mm; mặt biển, chữ trên biển báo sơn phản quang; nền biển sơn màu xanh đen, chữ trên biển sơn màu trắng; cột biển sơn phản quang, màu trắng, đỏ; chữ trên biển báo ghi thành 2 dòng: Dòng thứ nhất chữ bằng tiếng Việt Nam, dòng thứ hai chữ bằng tiếng Anh. Kích thước biển báo, chữ viết trên biển báo thực hiện theo các Mẫu số 01(a,b), 02, 03 quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Vị trí cắm biển báo "khu vực biên giới biển": Cắm ở ranh giới tiếp giáp giữa xã, phường, đặc khu ven biển với xã, phường nội địa; ở những nơi dễ nhận biết, cạnh bên phải trục đường giao thông (đường bộ, đường sắt, đường sông) vào khu vực biên giới biển. Ở khu vực biên giới biển có phạm vi rộng, khó xác định giới hạn, phải bổ sung biển nhắc lại đặt phía sau các nút giao thông theo chiều đi để thuận tiện cho việc quan sát. Kích thước, chữ viết trên biển nhắc lại thực hiện theo Mẫu số 01b tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.".

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau:

"3. Người nước ngoài hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 71/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2025 phải thông báo bằng văn bản cho Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã, Đồn Biên phòng sở tại; thực hiện theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này được gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính, viễn thông.".

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Đối với công trình quốc phòng, Tư lệnh Quân khu chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng ven biển xác định rõ tính chất những công trình cần quy định vùng cấm, báo cáo Tư lệnh Quân khu trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

"c) Đối với công trình biên giới biển như: Công trình chiến đấu; công trình thủy công (cầu tàu cho hải đoàn, hải đội); cầu kiểm soát của đồn, trạm Biên phòng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chỉ đạo Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng ven biển phối hợp với cơ quan quân sự, các cơ quan chức năng cùng cấp ở địa phương xác định, báo cáo Tư lệnh Bộ đội Biên phòng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định; đồng thời báo cáo Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

"đ) Sau khi có quyết định vùng cấm, cơ quan có thẩm quyền quản lý vùng cấm ban hành nội quy vùng cấm; tổ chức quản lý, bảo vệ chặt chẽ, đồng thời thông báo cho Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ven biển và các đối tượng liên quan biết để thực hiện.".

5. Sửa đổi một số điểm, khoản Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi tiêu đề khoản 1 như sau:

"1. Chỉ đạo Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng ven biển:".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 như sau:

"h) Phối hợp với Công an cấp tỉnh chỉ đạo các Đồn Biên phòng, Công an cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài trong khu vực biên giới biển hoặc khu kinh tế có một phần địa giới hành chính nằm trong khu vực biên giới biển; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại khu vực biên giới biển, cửa khẩu cảng biển.".

6. Thay thế các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 162/2016/TT-BQP ngày 21 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng các Mẫu số 01(a,b), 02, 03, 04, 05 Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2017/TT-BQP ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 như sau:

"1. Thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển (sau đây viết gọn là thủ tục biên phòng điện tử), kiểm tra biên phòng trong và sau khi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi và cảng thủy nội địa do Bộ Xây dựng công bố cho người, tàu thuyền Việt Nam, nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng để bốc dỡ hàng hóa, đón trả hành khách và thực hiện hoạt động khác do Bộ đội Biên phòng thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

"a) Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng thống nhất với Cục Hải quan thuộc Bộ Tài chính, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thuộc Bộ Xây dựng, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trực thuộc các Bộ liên quan về nội dung và cơ chế kết nối để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử qua Cổng thông tin một cửa quốc gia đối với tàu thuyền chuyển cảng;".

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

"c) Chỉ đạo Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng có đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các ngành chức năng liên quan, tham mưu cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức Hội nghị quán triệt Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg và Thông tư này đến các cấp, các ngành tại địa phương; tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong cộng đồng doanh nghiệp vận tải, các tổ chức, cá nhân liên quan; hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Cục Tài chính Bộ Quốc phòng

a) Phối hợp, hướng dẫn Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng lập dự án triển khai thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển; thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt, bố trí vốn triển khai thực hiện;

b) Thẩm định dự toán ngân sách của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét quyết định;

c) Đảm bảo kinh phí, hướng dẫn Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.".

4. Thay thế các Mẫu số 10, 11, 13, 14 và 15 Phụ lục kèm theo Thông tư số 49/2017/TT-BQP ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển bằng Mẫu số 10, 11, 13, 14 và 15 Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2018/TT-BQP ngày 24 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BQP ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Điểm b khoản 3 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Trên cơ sở ý kiến của các sở, ngành quy định tại điểm a khoản này, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định".".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Điểm c khoản 2 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"c) Căn cứ kết quả trao đổi, thống nhất với chính quyền cấp tỉnh nước tiếp

giáp có chung đường biên giới về việc thay đổi thời gian làm việc tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới đất liền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho Bộ Quốc phòng và Cục Hải quan, Bộ Tài chính (để chỉ đạo Chi cục Hải quan khu vực), đồng thời chỉ đạo Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý cửa khẩu và Ủy ban nhân dân cấp xã có cửa khẩu phụ, lối mở biên giới đất liền thực hiện”.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 82/2022/TT-BQP ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4 như sau:

“a) Tạm trú, lưu trú trong khu vực biên giới đất liền hoặc đi vào khu vực biên giới đất liền của những người được quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 2025, trừ cư dân biên giới:

Người đang thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền cấm cư trú ở khu vực biên giới đất liền, người chưa được phép xuất cảnh, tạm hoãn xuất cảnh;

Người đang bị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án, được hưởng án treo hoặc đang được hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù; người đang bị quản chế;

Người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu; đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ thi hành;

Người không thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 2025: Cư dân biên giới; người có giấy phép của cơ quan Công an có thẩm quyền cho phép cư trú ở khu vực biên giới đất liền; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, công nhân, viên chức, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật Công an nhân dân có đơn vị đóng quân ở khu vực biên giới đất liền;

Trường hợp những người không được cư trú trong khu vực biên giới đất liền nhưng có lý do đặc biệt vào khu vực biên giới đất liền theo quy định tại

điểm d khoản 1 Điều 6 Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 2025 như có bố, mẹ, vợ chồng, con chết hoặc ốm đau, ngoài giấy tờ tùy thân phải có giấy phép của Công an cấp xã nơi người đó cư trú, đồng thời phải trình báo Đồn Biên phòng hoặc Công an cấp xã sở tại biết thời gian lưu trú ở khu vực biên giới; trường hợp ở qua đêm hoặc vào vành đai biên giới được sự đồng ý của Đồn Biên phòng sở tại thì không bị xử phạt về hành vi "Tạm trú, lưu trú, đi lại trong khu vực biên giới đất liền không đúng quy định.".".

Điều 7. Bãi bỏ một số điều, khoản của các Thông tư

1. Bãi bỏ Điều 8 Thông tư số 43/2015/TT-BQP.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 3 Thông tư số 09/2016/TT-BQP.

3. Bãi bỏ Điều 19 Thông tư số 09/2016/TT-BQP.

4. Bãi bỏ khoản 2 Điều 22 Thông tư số 49/2017/TT-BQP.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 12 năm 2025./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đại tướng Nguyễn Tân Cương

Phụ lục I

MẪU QUYẾT ĐỊNH VÀ THÔNG BÁO

(Kèm theo Thông tư số 112 /2025/TT-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

I. MẪU BIỂN BÁO	
Mẫu số 01a	Mẫu biển báo "khu vực biên giới".
Mẫu số 01b	Mẫu biển báo nhắc lại biển báo "khu vực biên giới".
Mẫu số 02	Mẫu biển báo "vành đai biên giới".
Mẫu số 03	Mẫu biển báo "vùng cấm".
Mẫu số 04	Mẫu chữ "khu vực biên giới" viết bằng chữ Trung Quốc.
Mẫu số 05	Mẫu chữ "vành đai biên giới" viết bằng chữ Trung Quốc.
Mẫu số 06	Mẫu chữ "vùng cấm" viết bằng chữ Trung Quốc.
Mẫu số 07	Mẫu chữ "khu vực biên giới" viết bằng chữ Lào.
Mẫu số 08	Mẫu chữ "vành đai biên giới" viết bằng chữ Lào.
Mẫu số 09	Mẫu chữ "vùng cấm" viết bằng chữ Lào.
Mẫu số 10	Mẫu chữ "khu vực biên giới" viết bằng chữ Campuchia.
Mẫu số 11	Mẫu chữ "vành đai biên giới" viết bằng chữ Campuchia.
Mẫu số 12	Mẫu chữ "vùng cấm" viết bằng chữ Campuchia.
II. MẪU QUYẾT ĐỊNH, THÔNG BÁO	
Mẫu số 13	Thông báo dùng cho cá nhân.
Mẫu số 14	Thông báo dùng cho Công an cấp xã.
Mẫu số 15	Thông báo dùng cho cơ quan, tổ chức đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới đất liền.
Mẫu số 16	Thông báo dùng cho cơ quan, tổ chức thực hiện dự án, công trình khu vực biên giới đất liền.
Mẫu số 17	Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc khu vực biên giới đất liền.
Mẫu số 18	Thông báo hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc khu vực biên giới đất liền (dùng để thông báo với cơ quan chức năng trong nước).
Mẫu số 19	Thông báo hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc khu vực biên giới đất liền (dùng thông báo cho lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới).

Mẫu số 20	Quyết định gia hạn hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền.
Mẫu số 21	Quyết định bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc khu vực biên giới đất liền.
Mẫu số 22	Quyết định bãi bỏ Quyết định gia hạn hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền.
Mẫu số 23	Thông báo bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc khu vực biên giới đất liền (dùng để thông báo với cơ quan chức năng trong nước).
Mẫu số 24	Thông báo bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc khu vực biên giới đất liền (dùng thông báo cho lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới).

Mẫu số 01a. Biển báo "KHU VỰC BIÊN GIỚI"

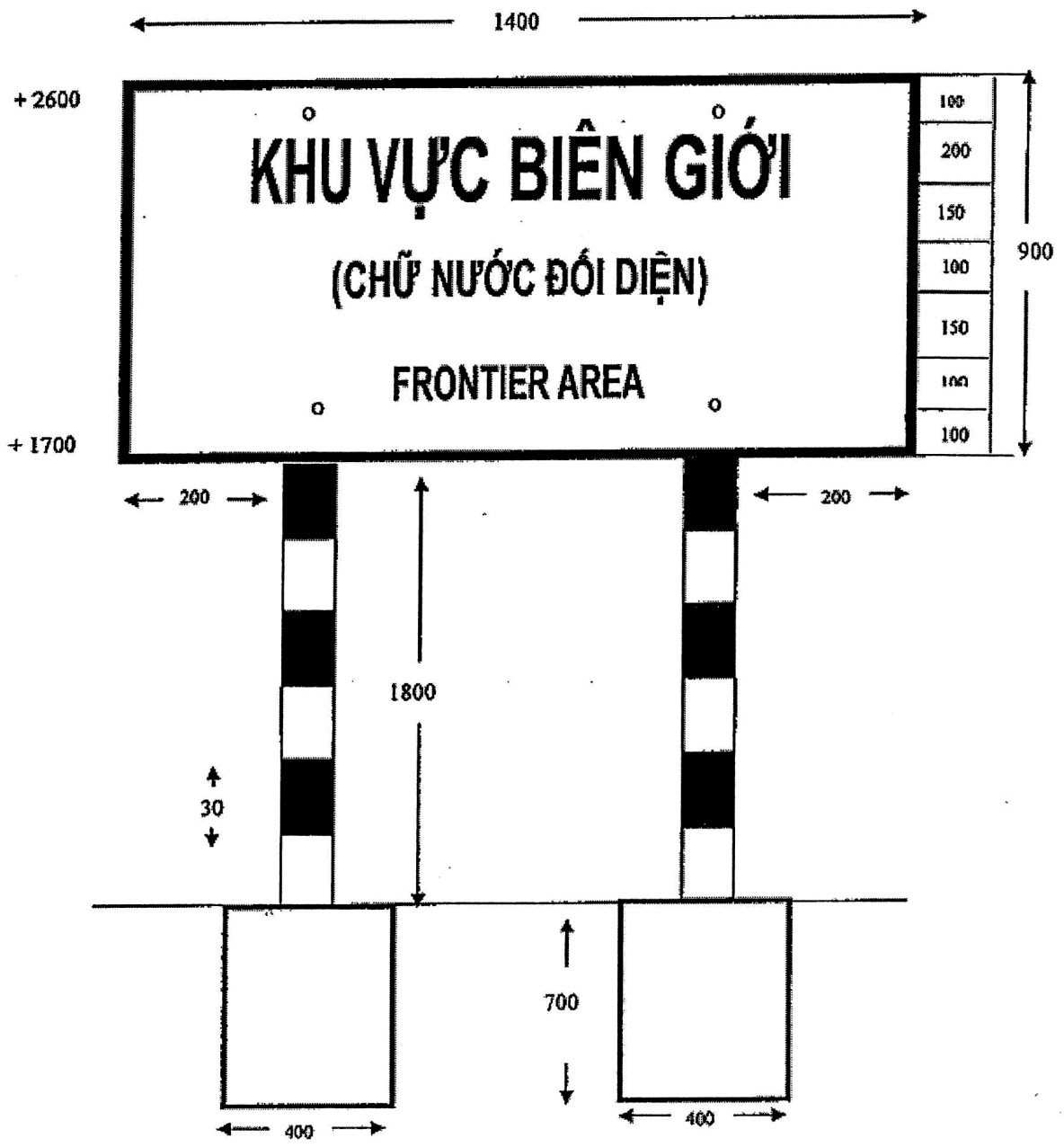

Mẫu số 01b. Biển nhắc lại biển báo "KHU VỰC BIÊN GIỚI"

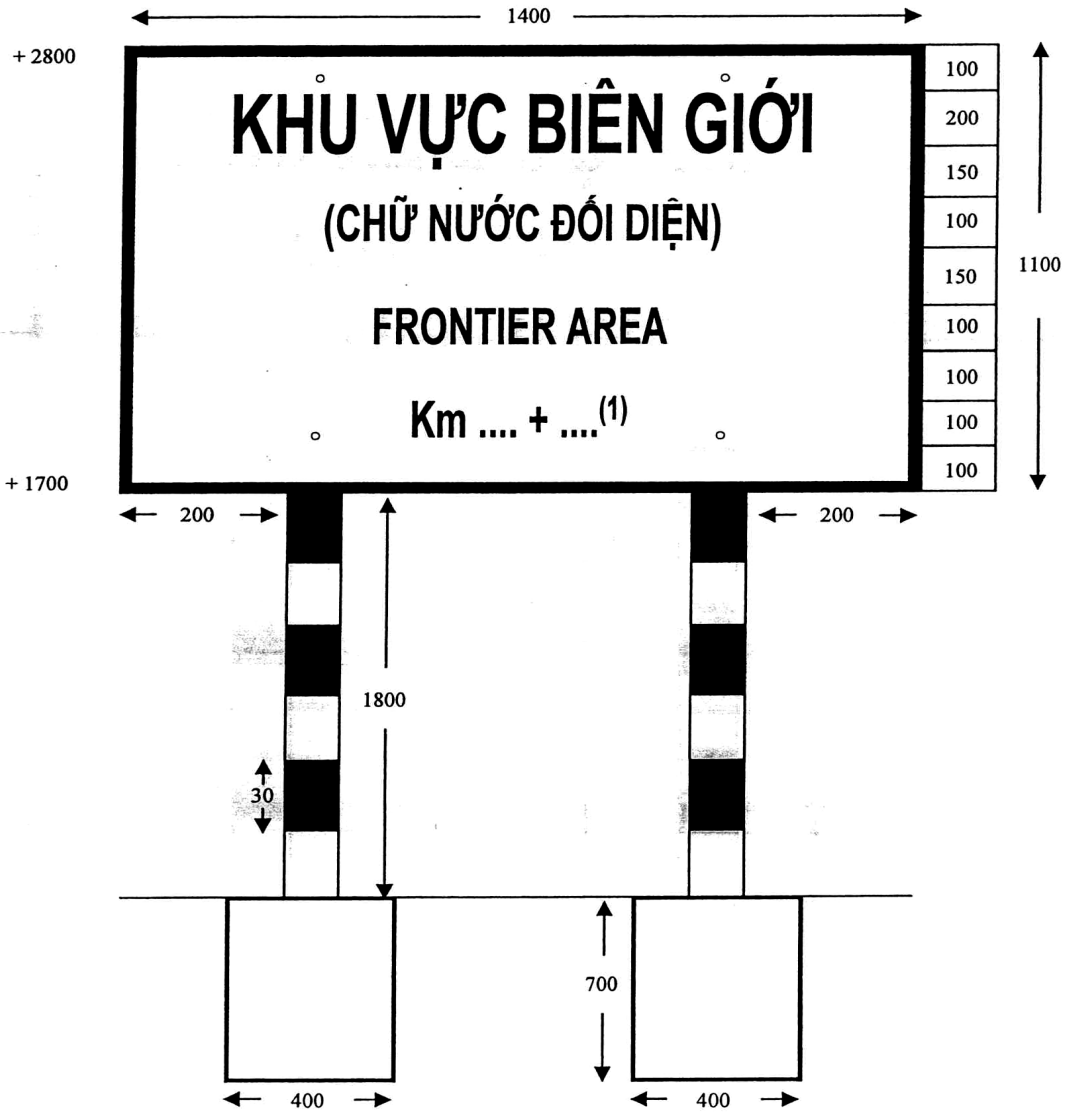

[1] Lý trình ghi trên biển số 01b là cự ly từ vị trí đặt biển báo "khu vực biên giới" đến biển nhắc lại được làm tròn đến mét.

Mẫu số 02. Biển báo "VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI"

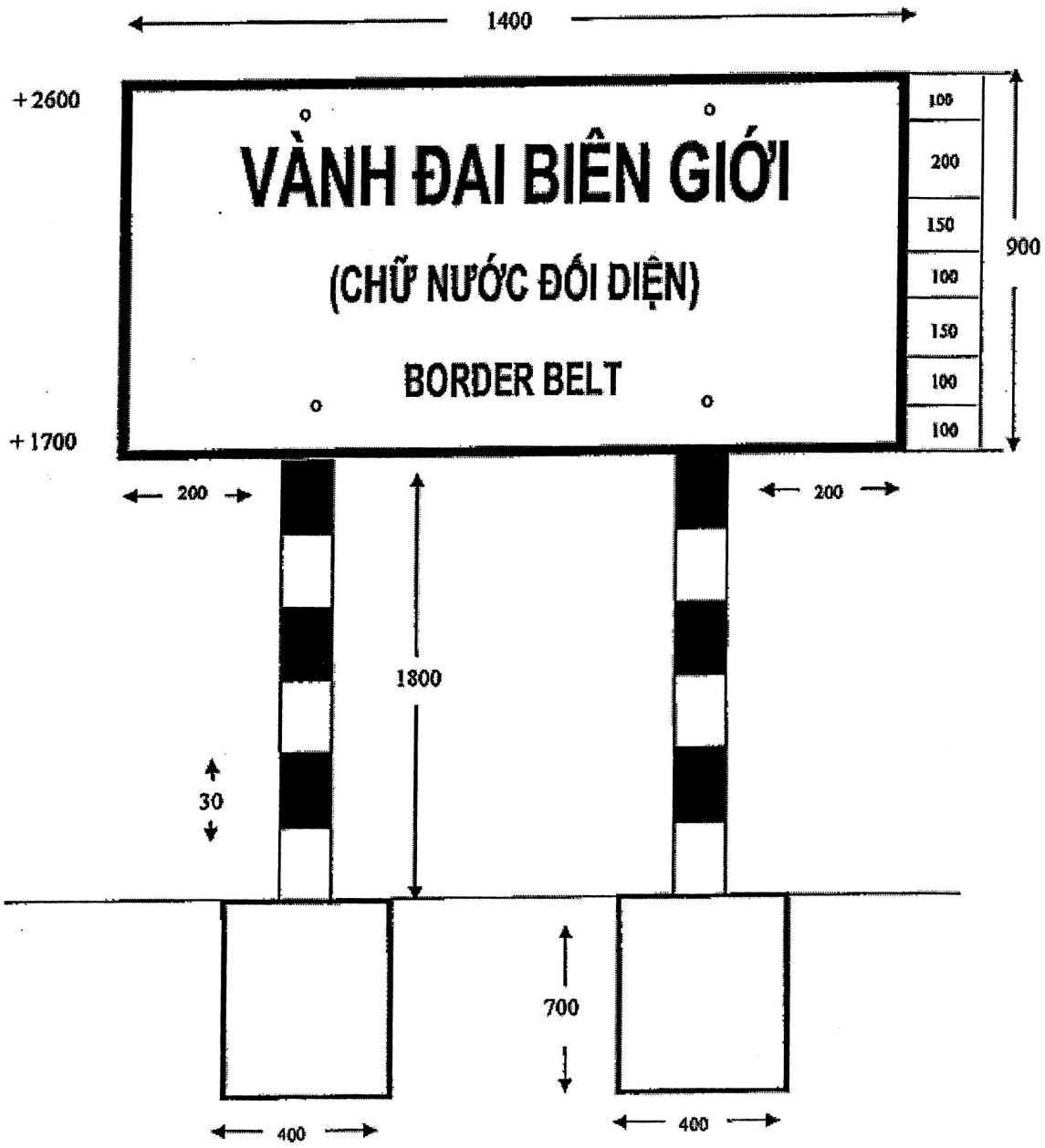

Mẫu số 03. Biển báo "VÙNG CẤM"

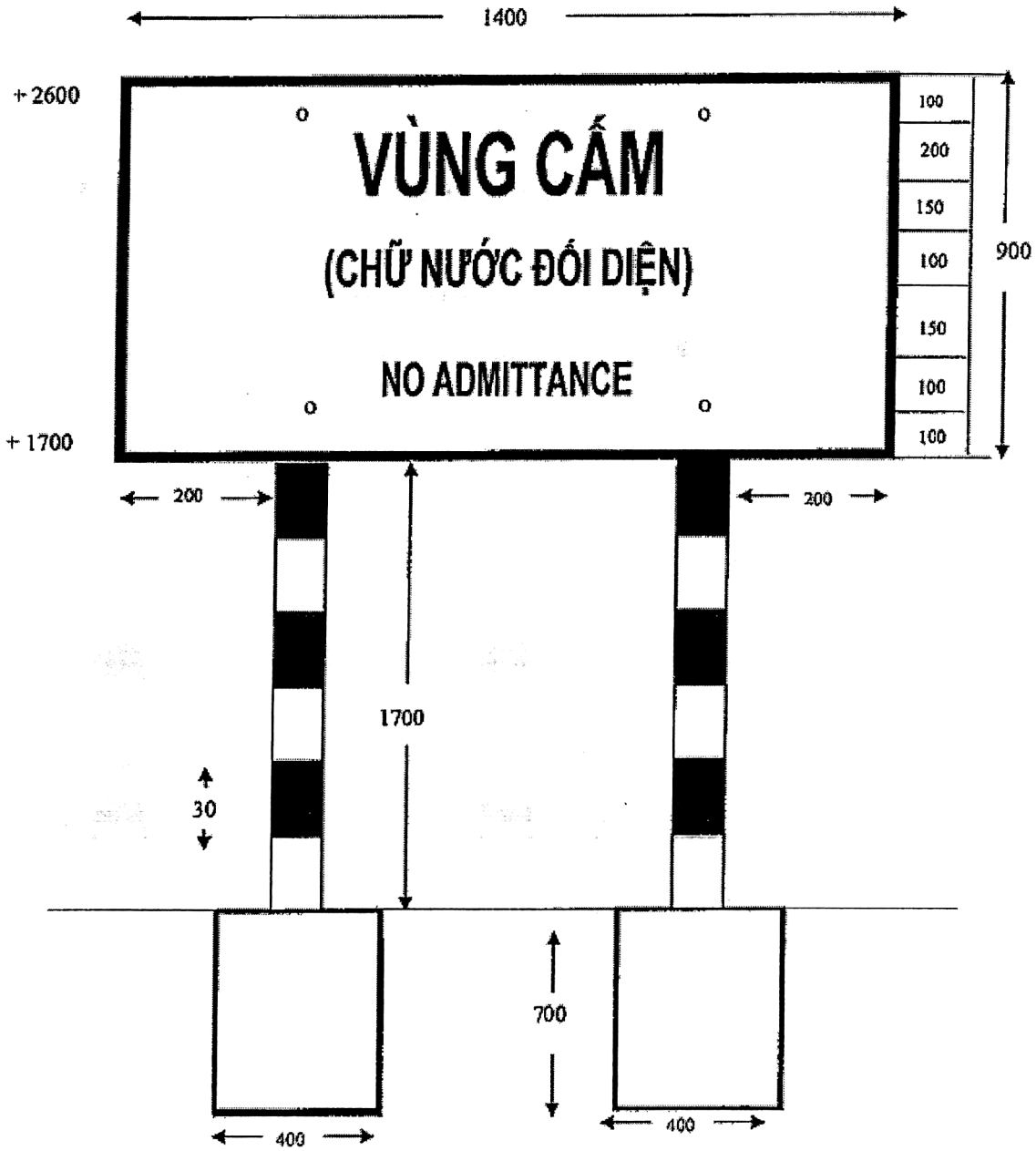

Mẫu số 04. Chữ "khu vực biên giới" viết bằng chữ Trung Quốc

边界地区

Mẫu số 05. Chữ "vành đai biên giới" viết bằng chữ Trung Quốc

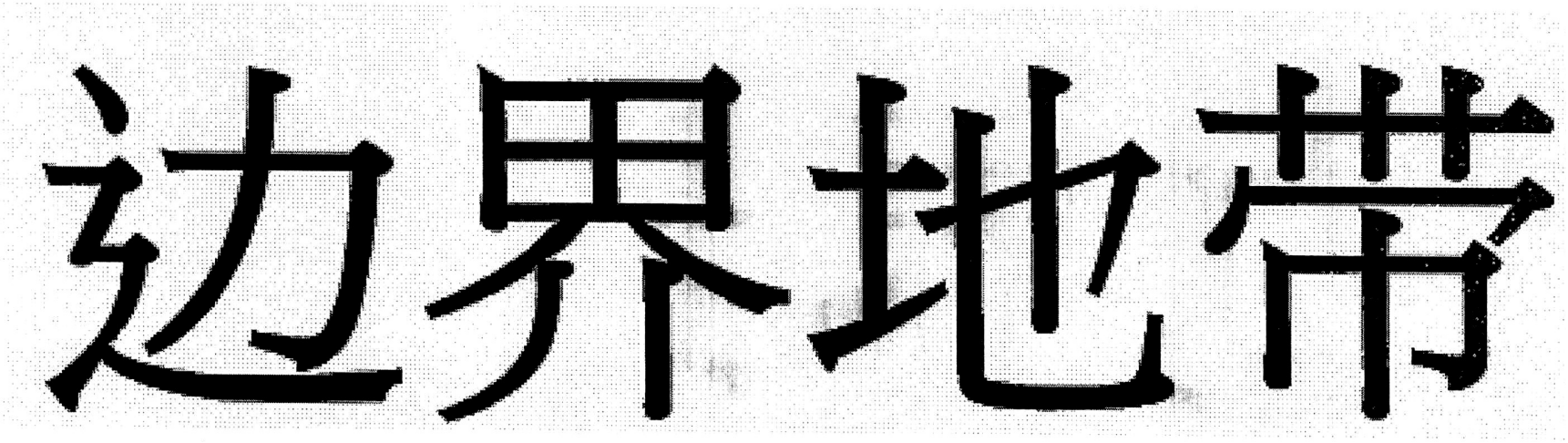

Mẫu số 06. Chữ "vùng cấm" viết bằng chữ Trung Quốc

禁区

Mẫu số 07. Chữ "khu vực biên giới" viết bằng chữ Lào

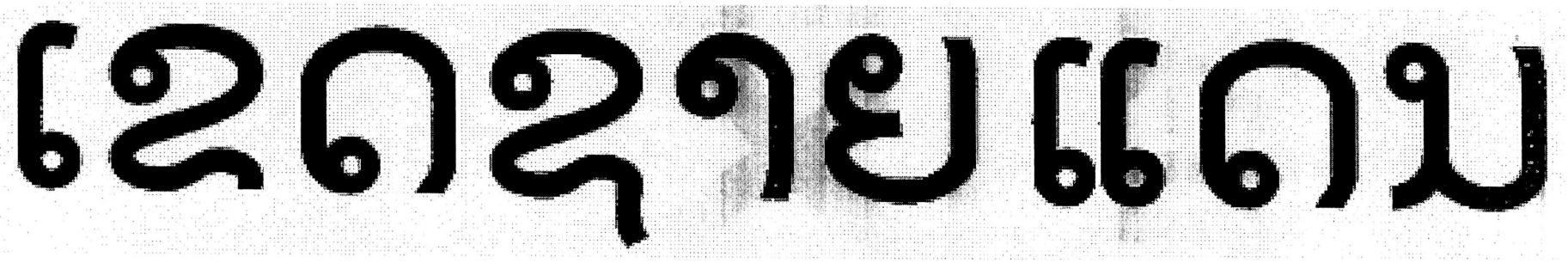

Mẫu số 08. Chữ "vành đai biên giới" viết bằng chữ Lào

ສາຍລ້ອມເສັ້ນຊາຍແດນ

Mẫu số 09. Chữ “vùng cấm” viết bằng chữ Lào

Mẫu số 10. Chữ "khu vực biên giới" viết bằng chữ Campuchia

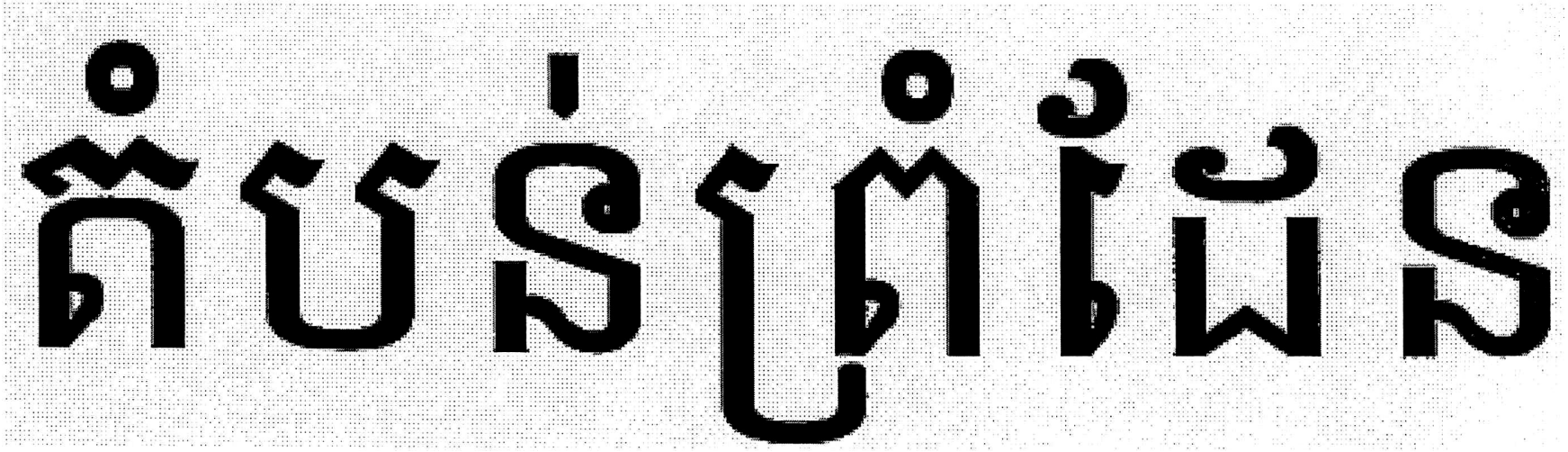

Mẫu số 11. Chữ “vành đai biên giới” viết bằng chữ Campuchia

ខ្សែក្រវាត់ព្រំដែន

Mẫu số 12. Chữ "vùng cấm" viết bằng chữ Campuchia

ក្រុមប្រឹក្សាខេត្ត

Mẫu số 13. Thông báo dùng cho cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1), *ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Đồn Biên phòng.....(2).....
Tên tôi là.....
Sinh ngày.....tháng.....năm.....Quốc tịch.....
Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động.....
Nơi thường trú.....
Căn cước (Căn cước công dân) hoặc hộ chiếu số.....
Cấp ngày....., cơ quan cấp.....
Nay tôi.....(3).....
Thời gian lưu trú từ.....giờ...., ngày..... tháng.....năm.... đến.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....
Tôi thông báo để Quý cơ quan biết, tạo điều kiện giúp đỡ tôi./.

NGƯỜI THÔNG BÁO
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi tên xã, phường đến lưu trú.
(2) Ghi rõ tên Đồn Biên phòng thuộc Ban chỉ huy BĐBP tỉnh, thành phố cần thông báo.
(3) Ghi rõ lý do phải lưu trú qua đêm, địa chỉ lưu trú.

Mẫu số 14. Thông báo dùng cho Công an cấp xã

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v thông báo hoạt động trong khu vực biên giới	..... (1), *ngày....tháng.....năm.....*

Kính gửi: Đồn Biên phòng.....(2).....

Ông/bà.....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Nơi thường trú:.....

Căn cước (Căn cước công dân) hoặc hộ chiếu số:.....

cấp ngày....., cơ quan cấp.....

Ông/bà.....vì lý do.....(3).....

phải lưu trú qua đêm tại.....(4).....

Thời gian lưu trú: Từ.....giờ..... ngày.....tháng..... .năm.....

đến.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Nay thông báo Quý cơ quan biết, để phối hợp quản lý./.

Nơi nhận: -.....; - .....; - Lưu:.....;	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ quan, tổ chức, họ và tên)*

(1) Ghi tên xã, phường sở tại.
(2) Ghi rõ tên Đồn Biên phòng thuộc Ban chỉ huy BĐBP tỉnh, thành phố cần thông báo.
(3) Ghi rõ lý do lưu trú.
(4) Ghi rõ địa chỉ lưu trú.

Mẫu số 15. Thông báo dùng cho cơ quan, tổ chức đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới đất liền

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v thông báo hoạt động trong khu vực biên giới	……(1), *ngày….tháng…..năm……*

Kính gửi:……(2)……

Thực hiện ……(3)……

Cơ quan, tổ chức……(4)……

Đưa cá nhân ……

Sinh ngày……..tháng……năm……Quốc tịch: ……

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động: ……

Nơi thường trú, tạm trú tại Việt Nam:……

Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam số:……cấp ngày……, cơ quan cấp……

Vào khu vực biên giới, với mục đích……(5)……

Thời gian: Từ… giờ... ngày…tháng…năm…đến...giờ…ngày...tháng…năm…

Nay thông báo Quý cơ quan biết, để phối hợp quản lý./.

TM. CƠ QUAN THÔNG BÁO
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ quan, tổ chức, họ và tên)

(1) Ghi tên tỉnh, thành phố nơi cơ quan, tổ chức có trụ sở.
(2) Ghi tên cơ quan nhận thông báo.
(3) Ghi rõ căn cứ đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới.
(4) Ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức.
(5) Ghi rõ mục đích đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới.

Mẫu số 16. Thông báo dùng cho cơ quan, tổ chức thực hiện dự án, công trình trong khu vực biên giới đất liền

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v thông báo hoạt động trong khu vực biên giới	……(1), *ngày….tháng…..năm……*

Kính gửi:……(2)……

Thực hiện……..(3)……..……..……....

Cơ quan, tổ chức……..(4)……..……....……...

Để thực hiện dự án, công trình, có đưa người, phương tiện vào hoạt động trong khu vực biên giới (có danh sách kèm theo)(5).

Thời gian từ..... giờ.....ngày ……..…tháng……....năm……...

đến ... giờ…... ngày.....tháng……năm……

Nay thông báo Quý cơ quan biết, để phối hợp quản lý./.

TM. CƠ QUAN THÔNG BÁO
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ quan, tổ chức, họ và tên)

(1) Ghi tên tỉnh, thành phố nơi cơ quan, tổ chức có trụ sở.
(2) Ghi tên cơ quan nhận thông báo.
(3) Ghi rõ căn cứ thực hiện dự án, công trình trong khu vực biên giới.
(4) Ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức thực hiện dự án, công trình.
(5) Danh sách người phải lập đầy đủ: Họ tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động; nơi thường trú; Căn cước (Căn cước công dân) hoặc hộ chiếu số, cấp ngày, cơ quan cấp. Danh sách phương tiện ghi rõ số lượng, chủng loại, biển số đăng ký, người điều khiển phương tiện.

Mẫu số 17. Quyết định hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc trong khu vực biên giới đất liền

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH** (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ - ....(2)	.....(3), *ngày.....tháng.....năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong .....(4).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (5)

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng;

Căn cứ.....;

Xét tình hình .....(6).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động sau: .....(7).....

Ở khu vực: ..... (8).....

Thời gian: Từ..... giờ.....ngày .....tháng.....năm..... đến..... giờ..... ngày.....tháng.....năm.....

Điều 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong khu vực biên giới đất liền chịu trách nhiệm chấp hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Tư lệnh BĐBP (để b/c);
- Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh (để b/c);

} Đối với quyết định của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy BĐBP

- Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy BĐBP (để b/c);

} Đối với quyết định của Đồn trưởng

...(9).....;
- Lưu:.....

CHỨC VỤ NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH
(Chữ ký, đóng dấu, cấp bậc, họ và tên)

(1) Ghi tên theo con dấu hành chính của đơn vị.
(2) Chữ viết tắt tên đơn vị ban hành văn bản.
(3) Ghi tên tỉnh, thành phố.
(4) Ghi rõ là vành đai biên giới (đối với Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giới) hoặc khu vực biên giới đất liền (đối với Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong khu vực biên giới).
(5) Ghi chức vụ đầy đủ của cấp trưởng, người đứng đầu theo quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền.
(6) Ghi rõ lý do việc ra quyết định, phù hợp với các trường hợp được quyền hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng hoặc Đồn trưởng Đồn Biên phòng; khi có đề nghị hoặc thông báo của Chính phủ, chính quyền địa phương hoặc lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới về việc hạn chế hoặc tạm dừng qua lại biên giới.
(7) Ghi rõ các hoạt động cần hạn chế hoặc tạm dừng phù hợp với quyết định cần ban hành.
(8) Ghi rõ khu vực cụ thể bị hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động nói trên (có thể theo tọa độ hoặc địa giới hành chính).
(9) Ghi rõ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Mẫu số 18. Thông báo hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc trong khu vực biên giới đất liền(*)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN RA THÔNG BÁO** (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB - ....(2)	.....(3), *ngày.....tháng.....năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong .....(4).....

Kính gửi:.....(5).....

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng;

Căn cứ.....;

Tôi: ....Cấp bậc: .....Chức vụ: .....

Đơn vị: .....

Đã ra Quyết định số..... (6)...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... về việc.....

Ở khu vực: .....(7).....

Trong thời gian: Từ ....giờ..... phút.....ngày.....tháng.....năm..... đến.....giờ..... phút..... ngày..... .....tháng.....năm.....(8).....

Chỉ huy trưởng (hoặc Đồn trưởng)..... thông báo để.....(9).....

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - Lưu: ...	**NGƯỜI RA THÔNG BÁO** *(Chữ ký, đóng dấu, cấp bậc, họ và tên)*

(1) Ghi tên theo con dấu hành chính của đơn vị.
(2) Chữ viết tắt tên đơn vị ban hành văn bản.
(3) Ghi tên tỉnh, thành phố.
(4) Ghi rõ là vành đai biên giới (đối với Thông báo về việc hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giới) hoặc khu vực biên giới đất liền (đối với Thông báo về việc hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong khu vực biên giới).
(5) Ghi rõ cơ quan, tổ chức cần thông báo.
(6), (7), (8) Ghi đúng như nội dung tương ứng của quyết định hạn chế hoặc tạm dừng.
(9) Ghi như kính gửi.
(*) Mẫu dùng để thông báo cho các cơ quan chức năng trong nước.

Mẫu số 19. Thông báo hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc trong khu vực biên giới đất liền(*)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN RA THÔNG BÁO** (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB - ....(2)	.....(3), *ngày.....tháng.....năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong .....(4).....

Kính gửi:.....(5).....

Căn cứ Hiệp định về quy chế quản lý biên giới.....;

Căn cứ.....;

Tôi: ....Cấp bậc: .....Chức vụ: .....

Đơn vị: .....

Đã ra Quyết định số..... (6...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... về việc.....

Ở khu vực: .....(7).....

Trong thời gian: Từ ....giờ..... phút.....ngày.....tháng.....năm..... đến.....giờ..... phút..... ngày..... tháng.....năm.....(8)..... (theo giờ Hà Nội).

Chỉ huy trưởng (hoặc Đồn trưởng)..... nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông báo để.....(9).....

Và.....(10).....

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - Lưu:.....	**NGƯỜI RA THÔNG BÁO** *(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, họ và tên)*

(1) Ghi tên theo con dấu hành chính của đơn vị.
(2) Chữ viết tắt tên đơn vị ban hành văn bản.
(3) Ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
(4) Ghi rõ là vành đai biên giới (đối với Thông báo về việc hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giới) hoặc khu vực biên giới đất liền (đối với Thông báo về việc hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong khu vực biên giới).
(5) Ghi rõ cơ quan, tổ chức cần thông báo.
(6), (7), (8) Ghi đúng như nội dung tương ứng của Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng.
(9) Ghi như kính gửi.
(10) Ghi rõ những đề nghị khác như phối hợp thực hiện, kiểm tra song phương...
(*) Mẫu dùng để thông báo cho lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới.

Mẫu số 20. Quyết định gia hạn hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...(1)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../QĐ-UBND	……(2), *ngày… .tháng …..năm……*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (3)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng;

Căn cứ.....;

Xét tình hình.....*(4)*.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động sau: …(5)……

Ở khu vực: …… (6)……..

Thời gian: Từ ..... giờ.....ngày ……..…tháng……....năm……..

đến……. giờ…... ngày.....tháng……năm……

Điều 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong khu vực biên giới đất liền chịu trách nhiệm chấp hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:	**CHỨC VỤ NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**
- Bộ Tư lệnh BĐBP;	*(Chữ ký, đóng dấu, họ và tên)*
- Ban chỉ huy BĐBP;	
-……(7)……..;	
- Lưu:…..	

(1) Ghi tên tỉnh, thành phố ban hành quyết định.
(2) Ghi địa danh theo tỉnh, thành phố.
(3) Thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về người đứng đầu cơ quan, tổ chức thì ghi chức vụ của người đứng đầu; nếu thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về tập thể lãnh đạo hoặc cơ quan, tổ chức thì ghi tên tập thể hoặc tên cơ quan, tổ chức đó.
(4) Ghi rõ lý do việc ra quyết định gia hạn hạn chế hoặc tạm dừng.
(5) Ghi rõ các hoạt động cần hạn chế hoặc tạm dừng
(6) Ghi rõ khu vực cụ thể bị hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động nói trên (có thể theo tọa độ hoặc địa giới hành chính).
(7) Ghi rõ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

Mẫu số 21. Quyết định bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc trong khu vực biên giới đất liền

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH** (1) Số:...../QĐ - ....(2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** .....(3), *ngày.....tháng.....năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Bãi bỏ Quyết định hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong .....(4).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (5)

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng;

Căn cứ.....(6).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số.... (7)..../QĐ-.... ngày....tháng.... năm.... về việc hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong.....

Điều 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong khu vực biên giới đất liền chịu trách nhiệm chấp hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c); - Tư lệnh BĐBP (để b/c); - Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh (để b/c); } Đối với quyết định của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy BĐBP - Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy BĐBP (để b/c); } Đối với quyết định của Đồn trưởng ...(8)...; - Lưu:...	**CHỨC VỤ NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH** *(Chữ ký, đóng dấu, cấp bậc, họ và tên)*

(1) Ghi tên theo con dấu hành chính của đơn vị.
(2) Chữ viết tắt tên đơn vị ban hành văn bản.
(3) Ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
(4) Ghi rõ là vành đai biên giới (đối với Quyết định bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giới) hoặc khu vực biên giới đất liền (đối với Quyết định bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong khu vực biên giới).
(5) Ghi chức vụ đầy đủ của cấp trưởng, người đứng đầu theo quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền.
(6) Ghi rõ lý do việc ra quyết định bãi bỏ quyết định hạn chế hoặc tạm dừng.
(7) Ghi rõ tên, số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành quyết định hạn chế hoặc tạm dừng.
(8) Ghi rõ cơ quan chịu trách nhiệm thi hành.

Mẫu số 22. Quyết định bãi bỏ Quyết định gia hạn hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-UBND	.....(2), *ngày....tháng.....năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Bãi bỏ Quyết định gia hạn hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (3)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng;

Căn cứ.....(4).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số.... (5)..../QĐ-.... ngày....tháng.... năm.... về việc gia hạn hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền.

Điều 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong khu vực biên giới đất liền chịu trách nhiệm chấp hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Bộ Tư lệnh BĐBP; - Ban chỉ huy BĐBP; -.....(6).....; - Lưu:.....	**CHỨC VỤ NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH** *(Chữ ký, đóng dấu, họ và tên)*

(1) Ghi tên tỉnh, thành phố ban hành quyết định.
(2) Ghi địa danh theo tỉnh, thành phố.
(3) Thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về người đứng đầu cơ quan, tổ chức thì ghi chức vụ của người đứng đầu; nếu thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về tập thể lãnh đạo hoặc cơ quan, tổ chức thì ghi tên tập thể hoặc tên cơ quan, tổ chức đó.
(4) Ghi rõ lý do việc ra quyết định bãi bỏ quyết định gia hạn hạn chế hoặc tạm dừng.
(5) Ghi rõ tên, số, ngày, tháng, năm ban hành quyết định gia hạn hạn chế hoặc tạm dừng.
(6) Ghi rõ cơ quan chịu trách nhiệm thi hành.

Mẫu số 23. Thông báo bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc trong khu vực biên giới đất liền(*)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN RA THÔNG BÁO** (1) Số:...../TB - ....(2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** .....(3), *ngày.....tháng.....năm.....*

THÔNG BÁO

Bãi bỏ Quyết định hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong .....(4).....

Kính gửi:.....(5).....

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng;

Căn cứ.....;

Ngày...tháng...năm..., Chỉ huy trưởng (hoặc Đồn trưởng)... đã ra Quyết định số.... (6)..../QĐ-.... về việc hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong .....

Nay tình hình đã trở lại bình thường; ngày...tháng...năm... Chỉ huy trưởng (hoặc Đồn trưởng)... đã ban hành Quyết định số.... (7)..../QĐ-.... bãi bỏ Quyết định số.... (6)..../QĐ-.... ngày....tháng.... năm.... về việc hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong .....

Nay thông báo để.....(8).....

Nơi nhận: - Như trên; - .....(9)....; - Lưu:	**NGƯỜI RA THÔNG BÁO** *(Chữ ký, đóng dấu, cấp bậc, họ và tên)*

(1) Ghi tên theo con dấu hành chính của đơn vị.
(2) Chữ viết tắt tên đơn vị ban hành văn bản.
(3) Ghi tên tỉnh, thành phố.
(4) Ghi rõ là vành đai biên giới (đối với Thông báo bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giới) hoặc khu vực biên giới đất liền (đối với Thông báo bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong khu vực biên giới).
(5) Ghi rõ cơ quan, tổ chức cần thông báo.
(6) Ghi rõ tên, số quyết định hạn chế hoặc tạm dừng.
(7) Ghi rõ tên, số quyết định bãi bỏ quyết định hạn chế hoặc tạm dừng.
(8) Ghi như kính gửi.
(9) Ghi rõ tên cơ quan chịu trách nhiệm thi hành.
(*) Mẫu dùng để thông báo cho các cơ quan trong nước.

Mẫu số 24. Thông báo bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong vành đai biên giới hoặc trong khu vực biên giới đất liền(*)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN RA THÔNG BÁO** (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB - ....(2)	.....(3), *ngày.....tháng.....năm.....*

THÔNG BÁO
Bãi bỏ Quyết định hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong .....(4).....

Kính gửi:.....(5).....

Căn cứ Hiệp định về quy chế quản lý biên giới.....;

Căn cứ.....;

Ngày...tháng...năm..., Chỉ huy trưởng (hoặc Đồn trưởng)... đã ra Quyết định số.... (6)..../QĐ-.... về việc hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong .....

Nay tình hình đã trở lại bình thường, ngày...tháng...năm... Chỉ huy trưởng (hoặc Đồn trưởng)... đã ban hành Quyết định số.... (7)..../QĐ-.... bãi bỏ Quyết định số.... (6)..../QĐ-.... ngày....tháng.... năm.... về việc hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động trong .....

Nay thông báo đến.....(8)..... để phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu: .....

NGƯỜI RA THÔNG BÁO
(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, họ và tên)

(1) Ghi tên theo con dấu hành chính của đơn vị.
(2) Chữ viết tắt tên đơn vị ban hành văn bản.
(3) Ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
(4) Ghi rõ là vành đai biên giới (đối với Thông báo bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giới) hoặc khu vực biên giới đất liền (đối với Thông báo bãi bỏ Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong khu vực biên giới).
(5) Ghi rõ cơ quan, tổ chức cần thông báo.
(6) Ghi rõ tên, số quyết định hạn chế hoặc tạm dừng.
(7) Ghi rõ tên, số quyết định bãi bỏ quyết định hạn chế hoặc tạm dừng.
(8) Ghi như kính gửi.
(*) Mẫu dùng để thông báo cho lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới.

Phụ lục II

MẪU QUYẾT ĐỊNH HẠN CHẾ, TẠM DỪNG, GIA HẠN THỜI GIAN QUA LẠI BIÊN GIỚI TẠI CỬA KHẨU, LỐI MỞ BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

(Kèm theo Thông tư số 112/2025/TT-BQP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu số 01	Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 02	Quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 03	Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng và Đồn trưởng Đồn Biên phòng.
Mẫu số 04	Quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng hoặc Đồn trưởng Đồn Biên phòng

Mẫu số 01. Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-UBND	(2)....., *ngày .....tháng.....năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu.....(3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...(4)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng.

Xét đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng..... .....,(5)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng (hoặc hạn chế) các hoạt động qua lại tại cửa khẩu.....(6)

Thời gian: Từ...giờ...phút... ngày... tháng...năm... đến... giờ... phút... ngày... tháng... năm...

Điều 2. Hết thời gian hạn chế (hoặc tạm dừng) quy định tại Điều 1 Quyết định này, các hoạt động qua lại tại cửa khẩu.....(7) trở lại bình thường.

Điều 3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động qua lại tại cửa khẩu.....(8) chịu trách nhiệm chấp hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo); - .....(9); - .....(10); - Lưu:.....	**CHỦ TỊCH** *(Ký, đóng dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) (4) Ghi tên tỉnh/thành phố ban hành quyết định.
(2) Ghi địa danh tỉnh/thành phố.
(3) Ghi tên cửa khẩu.
(5) Ghi theo tên đơn vị.
(6), (7), (8) Ghi tên cửa khẩu.
(9) Ghi rõ cơ quan, tổ chức cần thông báo.
(10) Ghi rõ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Mẫu số 02. Quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-UBND	(2)....., *ngày .....tháng.....năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn thời gian hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu.....(3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...(4)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng.

Xét đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng..... .....,(5)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn tạm dừng (hoặc hạn chế) các hoạt động qua lại tại cửa khẩu.....(6)

Thời gian: Từ... giờ... phút... ngày.... tháng.... năm.... đến... giờ.... phút... ngày... tháng... năm...

Điều 2. Hết thời gian gia hạn hạn chế (hoặc tạm dừng) quy định tại Điều 1 Quyết định này, các hoạt động qua lại tại cửa khẩu.....(7) trở lại bình thường.

Điều 3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động qua lại tại cửa khẩu .....(8) chịu trách nhiệm chấp hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo); - .....(9); - .....(10); - Lưu:.....	**CHỦ TỊCH** *(Ký, đóng dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) (4) Ghi tên tỉnh/thành phố ban hành quyết định.

(2) Ghi địa danh tỉnh/thành phố.

(3) Ghi tên cửa khẩu.

(5) Ghi theo tên đơn vị.

(6), (7), (8) Ghi tên cửa khẩu.

(9) Ghi rõ cơ quan, tổ chức cần thông báo.

(10) Ghi rõ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Mẫu số 03. Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng và Đồn trưởng Đồn Biên phòng

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH** (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....(2)	(3)....., *ngày .....tháng.....năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động qua lại tại cửa khẩu (hoặc lối mở).....(4)

CHỈ HUY TRƯỞNG BAN CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG...
(hoặc **ĐỒN TRƯỞNG ĐỒN BIÊN PHÒNG...**) (5)

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng.
Căn cứ tình hình.....,(6)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng (hoặc hạn chế) các hoạt động qua lại tại cửa khẩu (hoặc lối mở)...(7)

Thời gian: Từ...giờ...phút...ngày....tháng....năm....đến...giờ....phút...ngày...tháng... năm...

Điều 2. Hết thời gian hạn chế (hoặc tạm dừng) quy định tại Điều 1 Quyết định này, các hoạt động qua lại tại cửa khẩu (hoặc lối mở).....(8) trở lại bình thường.

Điều 3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động qua lại tại cửa khẩu (hoặc lối mở).....(9) chịu trách nhiệm chấp hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: -.....;(10) -.....;(11) - Lưu:.....	**CHỨC VỤ NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH** *(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, họ tên)*

Ghi chú:
(1) Ghi theo con dấu hành chính của đơn vị.
(2) Chữ viết tắt của tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định.
(3) Ghi địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với quyết định của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy BĐBP) hoặc địa danh xã, phường (đối với quyết định của Đồn trưởng Đồn Biên phòng).
(4) Ghi tên cửa khẩu, lối mở.
(5) Ghi theo tên đơn vị.
(6) Ghi rõ lý do việc tạm dừng hoặc hạn chế.
(7), (8), (9) Ghi tên cửa khẩu, lối mở.
(10) Ghi rõ cơ quan, tổ chức cần thông báo.
(11)

- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố. - BTL Bộ đội Biên phòng. - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.	Để báo cáo	Đối với Quyết định của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy BĐBP.
- Ủy ban nhân dân xã/phường. - BCH Bộ đội Biên phòng.	Để báo cáo	Đối với Quyết định của Đồn trưởng Đồn Biên phòng.

Mẫu số 04. Quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng và Đồn trưởng Đồn Biên phòng

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH** (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....(2)	(3)....., *ngày .....tháng.....năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn thời gian hạn chế (hoặc tạm dừng) các hoạt động qua lại tại cửa khẩu (hoặc lối mở).....(4)

CHỈ HUY TRƯỞNG BAN CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG ...
(hoặc **ĐỒN TRƯỞNG ĐỒN BIÊN PHÒNG...**) (5)

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng.
Căn cứ tình hình.....,(6)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn tạm dừng (hoặc hạn chế) các hoạt động qua lại tại cửa khẩu (hoặc lối mở)...(7)
Thời gian: Từ...giờ...phút...ngày....tháng....năm....đến...giờ....phút...ngày...tháng... năm...

Điều 2. Hết thời gian gia hạn hạn chế (hoặc tạm dừng) quy định tại Điều 1 Quyết định này, các hoạt động qua lại tại cửa khẩu (hoặc lối mở).....(8) trở lại bình thường.

Điều 3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động qua lại tại cửa khẩu (hoặc lối mở).....(9) chịu trách nhiệm chấp hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: -.....;(10) -.....;(11) - Lưu:.....	**CHỨC VỤ NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH** *(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, họ tên)*

Ghi chú:
(1) Ghi theo con dấu hành chính của đơn vị.
(2) Chữ viết tắt của tên cơ quan, đơn vị ban hành quyết định.
(3) Ghi địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với quyết định của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy BĐBP) hoặc địa danh xã, phường (đối với quyết định của Đồn trưởng Đồn Biên phòng).
(4) Ghi tên cửa khẩu, lối mở.
(5) Ghi theo tên đơn vị.
(6) Ghi rõ lý do việc tạm dừng hoặc hạn chế.
(7), (8), (9) Ghi tên cửa khẩu, lối mở.
(10) Ghi rõ cơ quan, tổ chức cần thông báo.
(11)

- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố - BTL Bộ đội Biên phòng. - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.	Để báo cáo	Đối với Quyết định của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy BĐBP.
- Ủy ban nhân dân xã/phường. - BCH Bộ đội Biên phòng.	Để báo cáo	Đối với Quyết định của Đồn trưởng Đồn Biên phòng.

Phụ lục III

MẪU THÔNG BÁO PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ VÀO KHU VỰC BIÊN GIỚI BIỂN DÙNG CHO CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Kèm theo Thông tư số 111 /2025/TT-BQP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

I. MẪU BIỂN BÁO	
Mẫu số 01a	Mẫu biển báo "khu vực biên giới biển".
Mẫu số 01b	Mẫu biển nhắc lại biển báo "khu vực biên giới biển".
Mẫu số 02	Mẫu biển báo "khu vực hạn chế hoạt động".
Mẫu số 03	Mẫu biển báo "vùng cấm".
II. MẪU THÔNG BÁO	
Mẫu số 04	Thông báo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vào khu vực biên giới biển dùng cho cá nhân.
Mẫu số 05	Thông báo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vào khu vực biên giới biển dùng cho cơ quan, tổ chức.

Mẫu số 01a. Biển báo "KHU VỰC BIÊN GIỚI BIỂN"

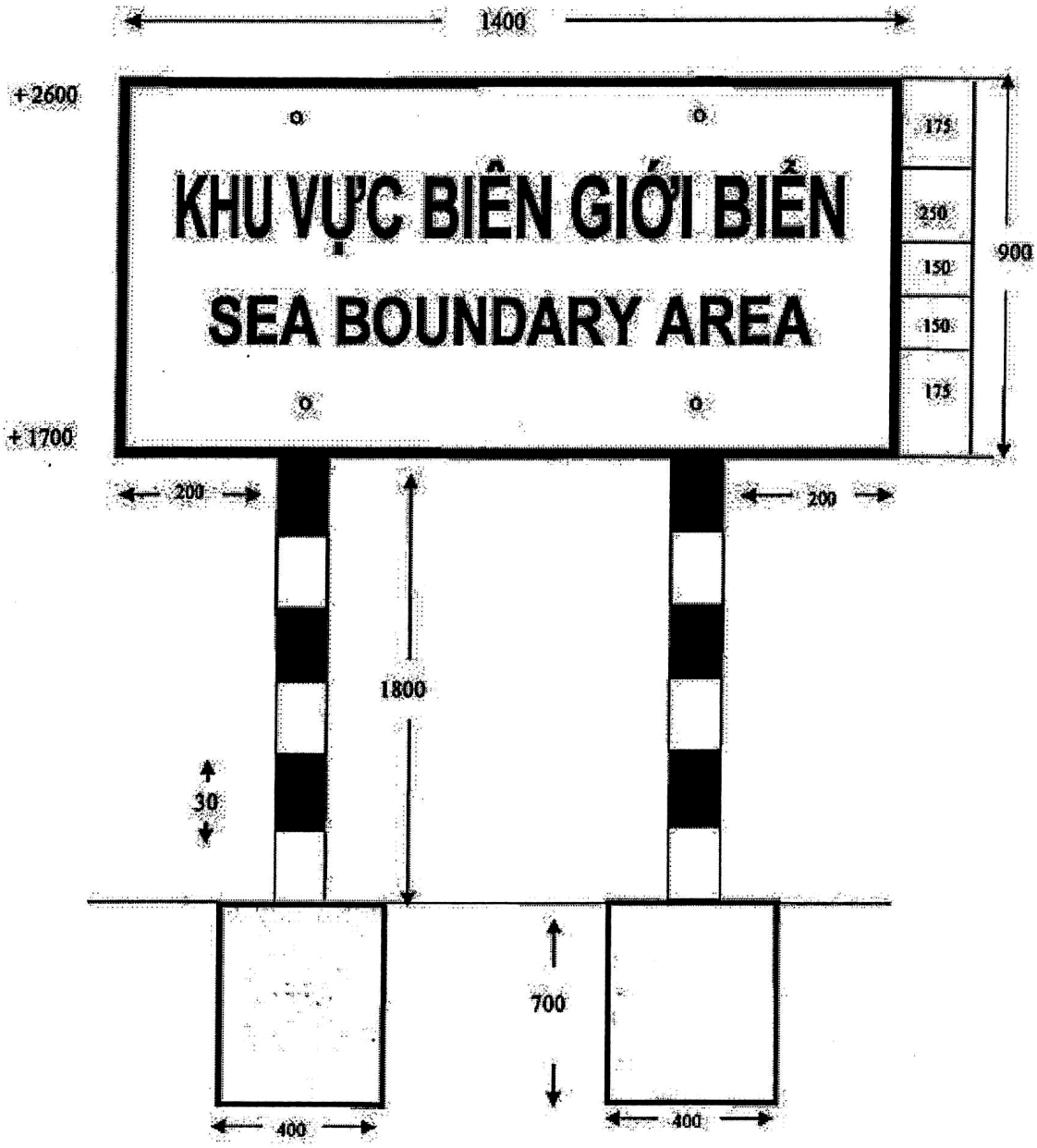

Mẫu số 01b. Biển nhắc lại biển báo "KHU VỰC BIÊN GIỚI BIỂN"

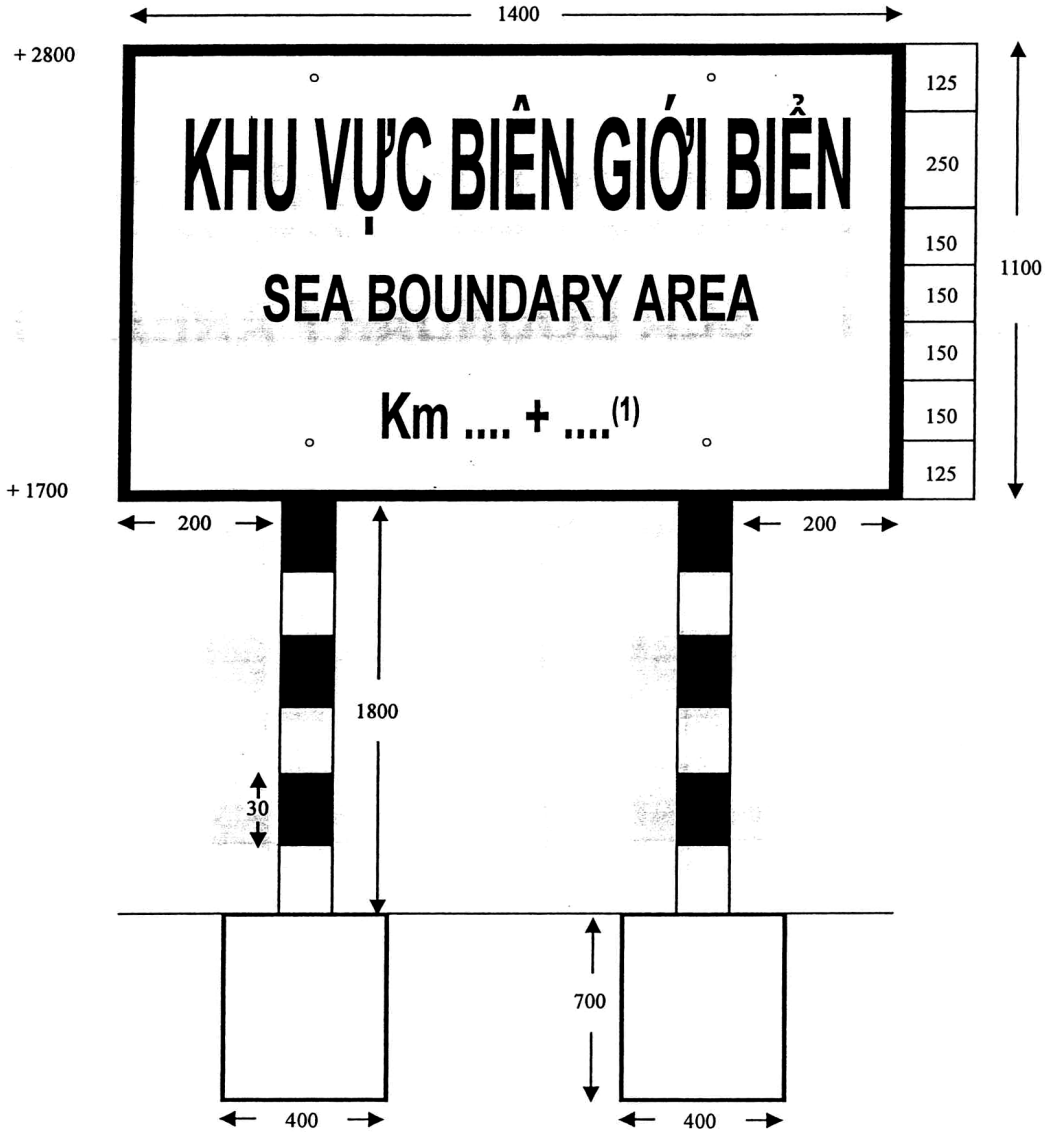

[1] Lý trình ghi trên biển số 01b là cự ly từ vị trí đặt biển báo "khu vực biên giới biển" đến biển nhắc lại được làm tròn đến mét.

Mẫu số 02. Biển báo "KHU VỰC HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG"

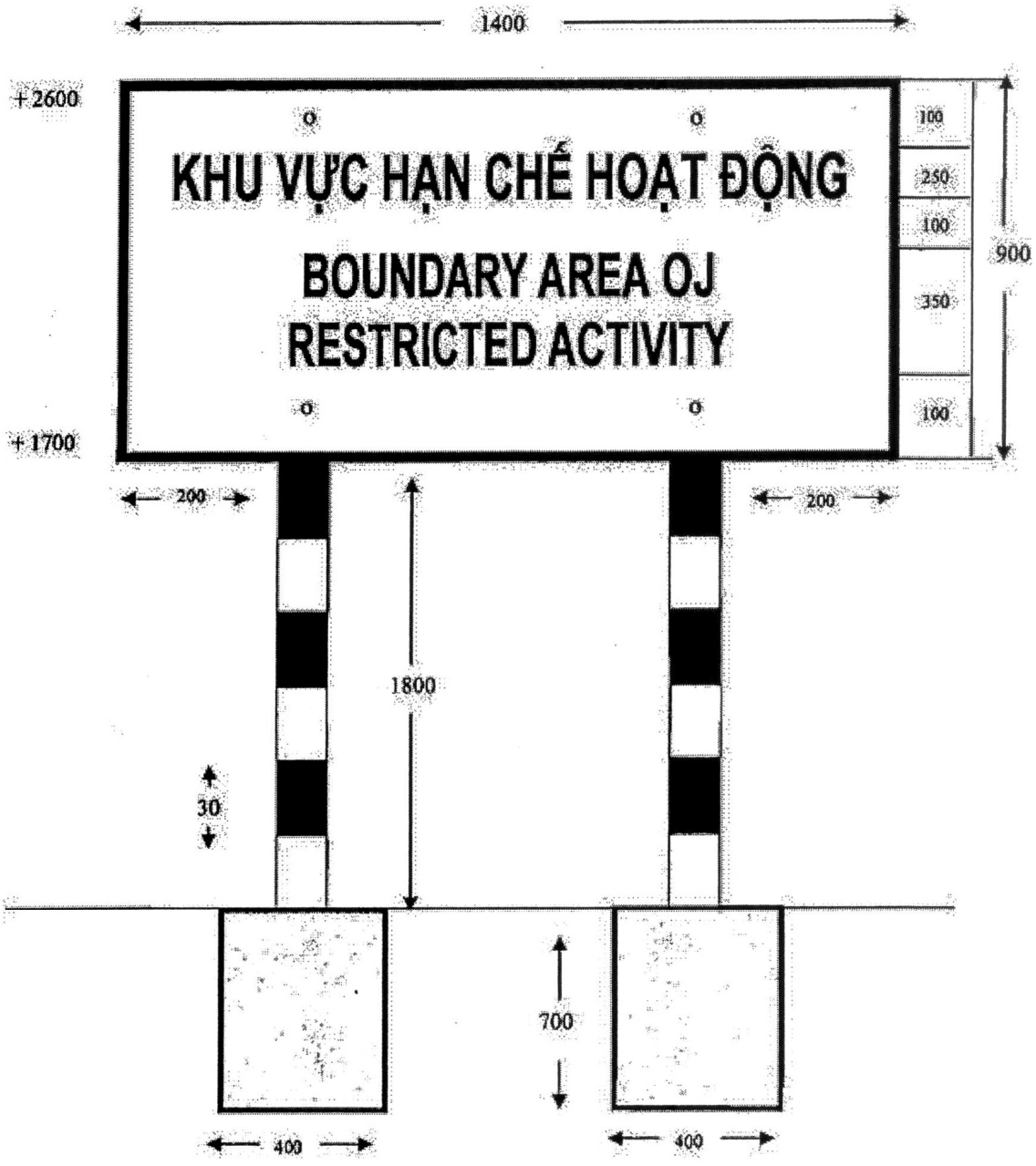

Mẫu số 03. Biển báo "VÙNG CẤM"

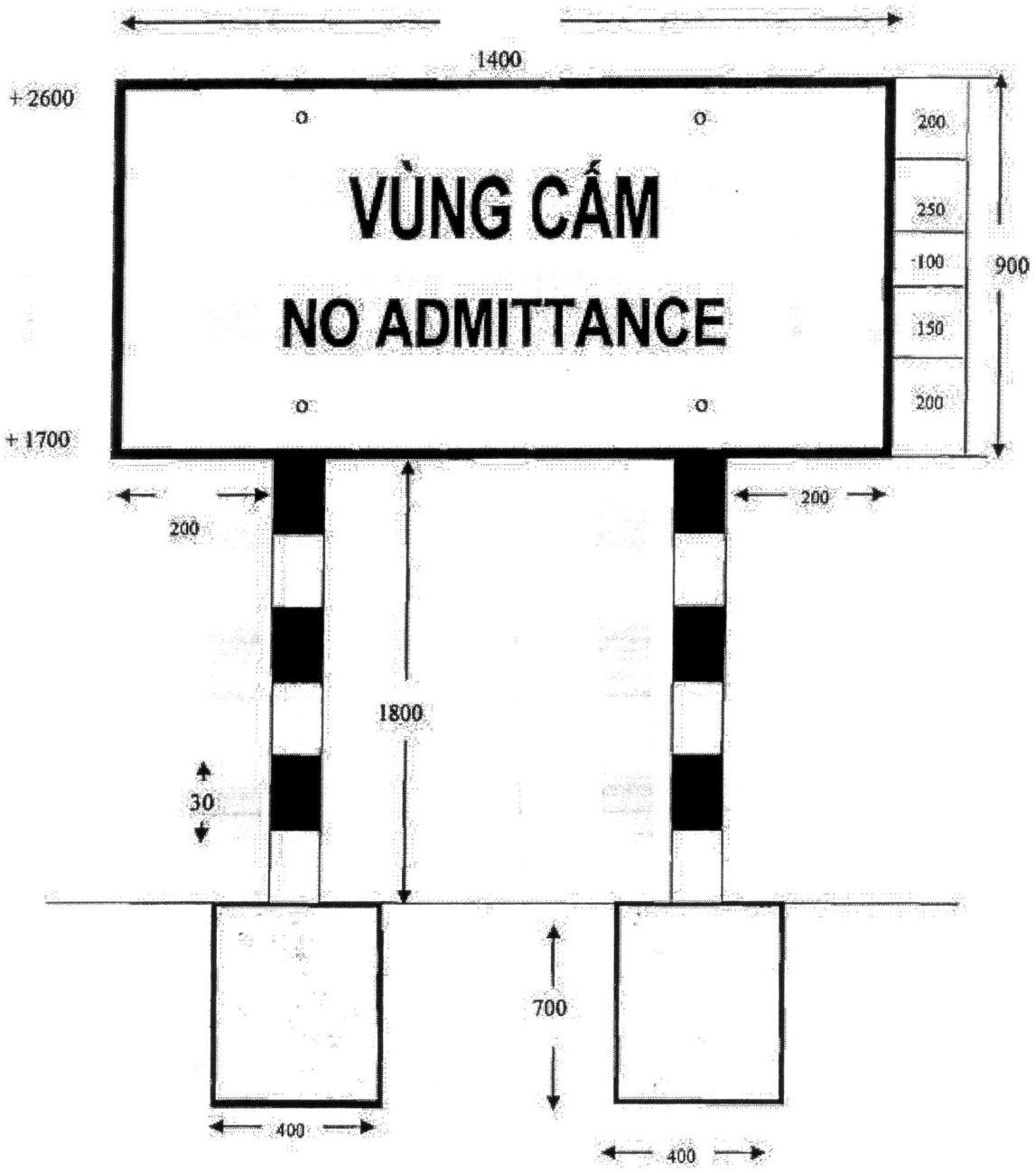

Mẫu số 04. Thông báo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vào khu vực biên giới biển dùng cho cá nhân.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

[3], ngày..... tháng ..... năm .....

Kính gửi: Đồn Biên phòng[4].....

Tên tôi là: .....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Căn cước/hộ chiếu số:.....; cấp ngày:.....; nơi cấp:.....

Tôi có[5]..... phương tiện là..... Biển kiểm soát:.....

Người điều khiển phương tiện:.....

Số lượng người trên phương tiện (có danh sách kèm theo)

Thời gian hoạt động từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng.....năm.....

Mục đích/nội dung vào khu vực biên giới[6]:.....

.....

Phạm vi hoạt động:[7].....

Tôi thông báo để Quý cơ quan biết, tạo điều kiện giúp đỡ./.

NGƯỜI THÔNG BÁO
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

[3] Ghi rõ địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người thông báo cư trú;
[4] Ghi rõ tên Đồn Biên phòng và thuộc Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố nào;
[5] Ghi rõ số lượng, loại phương tiện, biển kiểm soát;
[6] Ghi rõ nội dung hoạt động;
[7] Ghi rõ giới hạn địa điểm hoạt động.

Mẫu số 05. Thông báo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vào khu vực biên giới biển dùng cho cơ quan, tổ chức.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-[1] V/v thông báo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vào khu vực biên giới biển	*[2], ngày..... tháng ..... năm .....*

Kính gửi: Đồn Biên phòng[3].....

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 6 Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.

Căn cứ Thông tư số 162/2016/TT-BQP ngày 21 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số /2025/TT-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về biên phòng, biên giới quốc gia.

Cơ quan, tổ chức:.....

Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh số:.....

Cơ quan cấp:.....; Ngày cấp:.....

Trụ sở:.....

Có[4]..... phương tiện là..... Biển kiểm soát:.....

Người điều khiển phương tiện:.....

Số lượng người trên phương tiện (có danh sách kèm theo)

Thời gian hoạt động từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

---

[1] Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành thông báo;

[2] Ghi rõ địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người thông báo cư trú;

[3] Ghi rõ tên Đồn Biên phòng và thuộc Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố nào;

[4] Ghi rõ số lượng, loại phương tiện, biển kiểm soát;

Mục đích/nội dung vào khu vực biên giới[5]:.....
.....;

Phạm vi hoạt động:[6].....

Cơ quan, tổ chức thông báo để Quý cơ quan biết, tạo điều kiện giúp đỡ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
-.....;
Lưu: VT, ..([7]), ([8])04.

CƠ QUAN, TỔ CHỨC THÔNG BÁO
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

[5] Ghi rõ nội dung hoạt động;
[6] Ghi rõ giới hạn địa điểm hoạt động;
[7] Viết chữ tắt tên đơn vị soạn thảo;
[8] Tên người đánh máy (soạn thảo) và số lượng bản phát hành.

Phụ lục IV
CÁC BIỂU MẪU TRONG THỰC HIỆN
THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ CẢNG BIỂN
(Kèm theo Thông tư số 112 /2025/TT-BQP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu số 10	Quyết định về việc từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển
Mẫu số 11	Thông báo từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển
Mẫu số 13	Thông báo về việc cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển
Mẫu số 14	Thông báo về việc từ chối cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển
Mẫu số 15	Thông báo về việc tạm dừng/hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Mẫu số 10. Quyết định về việc từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

BAN CHỈ HUY BĐBP (1) **BAN CHỈ HUY/ĐỒN BPCK... (2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-BPCK (3)	...(4)..., *ngày tháng năm 20....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Căn cứ Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Chỉ huy trưởng (Đồn trưởng) Biên phòng cửa khẩu cảng,

Xét mức độ, hành vi vi phạm của ..... (tổ chức, cá nhân vi phạm),

Theo đề nghị của Đội trưởng Đội Thủ tục,

Chỉ huy trưởng (Đồn trưởng) Biên phòng cửa khẩu cảng .....(5)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban Chỉ huy/Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng...(6)... không thực hiện thủ tục nhập cảnh (xuất cảnh/chuyển cảng đến,/chuyển cảng đi) bằng phương thức điện tử đối với tàu ..... quốc tịch ..... Hô hiệu: ..... tại cửa khẩu cảng .....

Điều 2. Thủ tục nhập cảnh (xuất cảnh/chuyển cảng đến/chuyển cảng đi) đối với tàu ..... được Ban Chỉ huy/Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng ..... thực hiện trực tiếp tại: .....

Điều 3. Đội trưởng đội Thủ tục chịu trách nhiệm thông báo cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng ..... để phối hợp,...(tên doanh nghiệp, đại lý tàu biển) để thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày....tháng....năm.....

Nơi nhận: - Đội Thủ tục (để thực hiện); - Ban Tham mưu tổng hợp (Đội Tổng hợp đảm bảo); - Lưu:	**CHỈ HUY TRƯỞNG/ĐỒN TRƯỞNG** (7) *(Ký tên, đóng dấu)* ***Cấp bậc, họ tên***

Ghi chú:
- (1) Tên cơ quan chủ quản;
- (2) Tên cơ quan ban hành văn bản;
- (3) Ký hiệu văn bản;
- (4) Địa danh;
- (5), (6) Tên Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (7) Chức danh chỉ huy Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng.

Mẫu số 11. Thông báo từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

BAN CHỈ HUY BĐBP (1) **BAN CHỈ HUY/ĐỒN BPCK... (2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-BPCK (3)	...(4)..., *ngày tháng năm 20....*

THÔNG BÁO

V/v từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Thực hiện Quyết định số.../QĐ-BPCK ngày ..... tháng....năm...của Chỉ huy trưởng/Đồn trưởng BPCK cảng...(5) về việc từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

Ban Chỉ huy/Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng (6) ..... từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với:

Tàu: .....

Quốc tịch: .....

Hô hiệu: .....

Tên Thuyền trưởng: ..... Quốc tịch: .....

Số thuyền viên: ..... Gồm:..... quốc tịch).

Số hành khách: .....Gồm:..... quốc tịch.

Số lượng hàng hóa: .....

Loại hàng: .....

Dự kiến đến điểm neo đón, trả hoa tiêu cảng/rời cảng ..... hồi:..... ngày ..... tháng ..... năm ..... .

Do ..... làm Đại lý hàng hải, đã khai báo thủ tục biên phòng điện tử vào hồi ..... ngày..... tháng ..... năm: ..... .

Lý do từ chối: .....

Biện pháp xử lý: *(thực hiện thủ tục tại tàu hoặc yêu cầu đại lý hàng hải nộp, xuất trình hồ sơ, giấy tờ tại Ban Chỉ huy/Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng ..(7) để làm thủ tục).*

Nơi nhận: - Cảng vụ ..(8) (để p/hợp); - Kiểm dịch y tế..(9).. (để p/hợp); - Hải quan cửa khẩu..(10)..(để p/hợp); - Đại lý.. (11) (để thực hiện); - Lưu:	**TL. CHỈ HUY TRƯỞNG/ĐỒN TRƯỞNG** (12) **ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI THỦ TỤC** (13) *(Ghi rõ họ tên)* ***Cấp bậc, họ tên***

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản;
- (2) Tên cơ quan ban hành văn bản;
- (3) Ký hiệu văn bản
- (4) Địa danh
- (5), (6), (7) Tên Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (8), (9), (10) Tên các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng;
- (11) Chức danh chỉ huy Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng.
- (12) Chức danh chỉ huy Đội thủ tục Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng.

Mẫu số 13. Thông báo về việc cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

BAN CHỈ HUY BĐBP(1) **BAN CHỈ HUY/ĐỒN BPCK... (2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-BPCK (3)	...(4)..., *ngày tháng năm 20....*

THÔNG BÁO

V/v cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Căn cứ Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

Xét đề nghị của Giám đốc.... (5)... tại văn bản số: ..... ngày tháng năm 20... về việc đề nghị cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển; Ban Chỉ huy/Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng....(6) thông báo:

Kể từ ngày.... tháng.... năm 20...,..(7).... được phép truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển tại cửa khẩu cảng..... (8) bằng các tài khoản sau:

1. .....
2. .....

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:	**CHỈ HUY TRƯỞNG/ĐỒN TRƯỞNG** (9) *(Ký tên, đóng dấu)* ***Cấp bậc, họ tên***

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản;
- (2) Tên cơ quan ban hành văn bản;
- (3) Ký hiệu văn bản
- (4) Địa danh
- (5), (7) Tên doanh nghiệp đề nghị cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (6) Tên Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng thông báo.
- (8) Tên cửa khẩu cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (9) Tên Chức danh chỉ huy Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng.

Mẫu số 14. Thông báo về việc từ chối cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

BAN CHỈ HUY BĐBP(1) **BAN CHỈ HUY/ĐỒN BPCK... (2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-BPCK (3)	...(4)..., *ngày tháng năm 20....*

THÔNG BÁO
V/v từ chối cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Căn cứ Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

Ban Chỉ huy/Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng...(5) thông báo:

Từ chối đề nghị cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển của ... (6) tại văn bản số: ..... ngày...tháng...năm 20.... .

Lý do từ chối: .....
.....

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:	**CHỈ HUY TRƯỞNG/ĐỒN TRƯỞNG)** (7) *(Ký tên, đóng dấu)* ***Cấp bậc, họ tên***

Ghi chú:
- (1) Tên cơ quan chủ quản;
- (2) Tên cơ quan ban hành văn bản;
- (3) Ký hiệu văn bản;
- (4) Địa danh;
- (5) Tên Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng thông báo;
- (6) Tên doanh nghiệp đề nghị cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (7) Chức danh chỉ huy Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng.

Mẫu số 15. Thông báo về việc tạm dừng/hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

BAN CHỈ HUY BĐBP(1) **BAN CHỈ HUY/ĐỒN BPCK... (2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-BPCK ...(3)	...(4)..., *ngày tháng năm 20....*

THÔNG BÁO
V/v tạm dừng/hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Căn cứ Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

Ban chỉ huy/Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng..(5)..thông báo:

Tạm dừng/hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển của ông (bà) ..... (6)....

Lý do tạm dừng/hủy tài khoản: .....
.....
.....

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:	**CHỈ HUY TRƯỞNG/ĐỒN TRƯỞNG** (7) *(Ký tên, đóng dấu)* ***Cấp bậc, họ tên***

Ghi chú:
- (1) Tên cơ quan chủ quản;
- (2) Tên cơ quan ban hành văn bản;
- (3) Ký hiệu văn bản;
- (4) Địa danh;
- (5) Tên Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng thông báo;
- (6) Tên người làm thủ tục bị tạm dừng/hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;
- (7) Tên chức danh chỉ huy Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn